

Bài 48.

QUẦN THỂ NGƯỜI

I – Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác

▼ Trong những đặc điểm dưới đây (bảng 48.1), những đặc điểm nào có ở quần thể người, ở quần thể sinh vật khác ?

Bảng 48.1. Đặc điểm có ở quần thể người và quần thể sinh vật khác

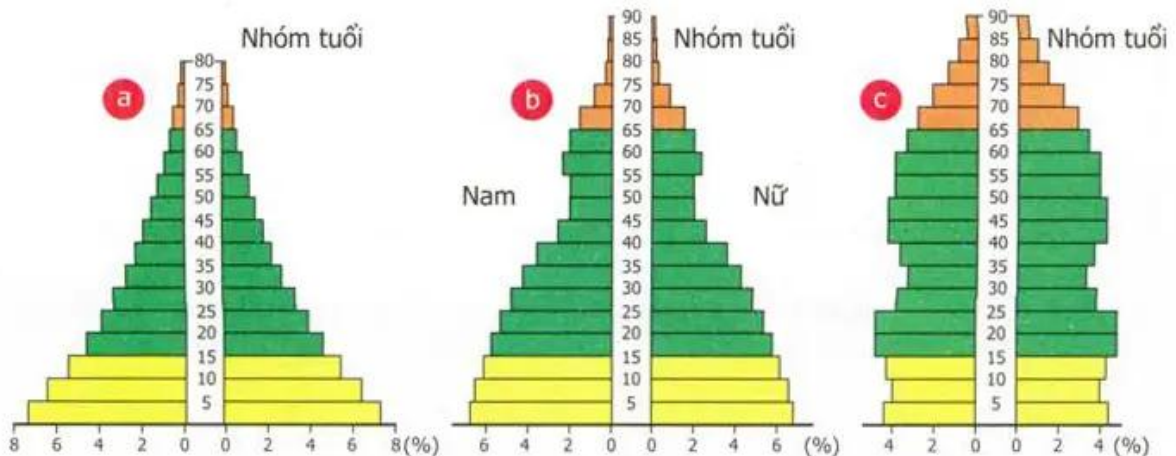
<i>Đặc điểm</i>	<i>Quần thể người (có/không)</i>	<i>Quần thể sinh vật (có/không)</i>
Giới tính	Có	Có
Lứa tuổi		
Mật độ		
Sinh sản		
Tử vong		
Pháp luật		
Kinh tế		
Hôn nhân		
Giáo dục		
Văn hoá		
.....		

Quần thể người có những đặc điểm sinh học như những quần thể sinh vật khác. Ngoài ra, quần thể người còn có những đặc trưng kinh tế – xã hội mà quần thể sinh vật khác không có. Sự khác nhau đó là do con người có lao động và tư duy nên có khả năng tự điều chỉnh các đặc điểm sinh thái trong quần thể, đồng thời cải tạo thiên nhiên.

II – Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người

- Người ta chia dân số thành nhiều nhóm tuổi khác nhau :
 - + Nhóm tuổi trước sinh sản : từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi.
 - + Nhóm tuổi sinh sản và lao động : từ 15 đến 64 tuổi.
 - + Nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc : từ 65 tuổi trở lên.

– Có ba dạng tháp tuổi :



Hình 48. Ba dạng tháp tuổi (%)

- a) Tháp dân số Ấn Độ năm 1970 ; b) Tháp dân số Việt Nam năm 1989 ;
c) Tháp dân số Thụy Điển năm 1955

Nửa bên phải tháp biểu thị các nhóm tuổi của nữ, phần bên trái là các nhóm tuổi của nam. Tháp tuổi a có tỉ lệ nhóm tuổi trẻ cao và nhóm tuổi già thấp : nhóm tuổi dưới 15 tuổi chiếm trên 30% dân số và nhóm tuổi già chiếm tỉ lệ dưới 10% dân số. Tháp c biểu thị tỉ lệ các nhóm tuổi ngược lại với tháp a : nhóm tuổi dưới 15 tuổi thấp và nhóm tuổi già cao. Tháp b có dạng gần giống tháp a nhưng số người trên 15 tuổi nhiều hơn ở a.

▼ – Hãy cho biết trong ba dạng tháp trên, dạng tháp nào có các biểu hiện ở bảng 48.2.

Bảng 48.2. Các biểu hiện ở 3 dạng tháp tuổi

Biểu hiện	Dạng tháp a	Dạng tháp b	Dạng tháp c
Nước có tỉ lệ trẻ em sinh ra hằng năm nhiều			
Nước có tỉ lệ tử vong ở người trẻ tuổi cao (tuổi thọ trung bình thấp)			
Nước có tỉ lệ tăng trưởng dân số cao			
Nước có tỉ lệ người già nhiều			
Dạng tháp dân số trẻ (dạng tháp phát triển)			
Dạng tháp dân số già (dạng tháp ổn định)			

– Em hãy cho biết thế nào là một nước có dạng tháp dân số trẻ và nước có dạng tháp dân số già.

III – Tăng dân số và phát triển xã hội

Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong. Tuy nhiên trong thực tế, sự tăng giảm dân số thực còn chịu ảnh hưởng của sự di cư (một số người chuyển từ nơi này tới sống ở nơi khác).

▼ Theo em, tăng dân số quá nhanh có thể dẫn đến những trường hợp nào trong các trường hợp sau ?

- a) Thiếu nơi ở ; b) Thiếu lương thực ; c) Thiếu trường học, bệnh viện ;
- d) Ô nhiễm môi trường ; e) Chặt phá rừng ; f) Chậm phát triển kinh tế ;
- g) Tắc nghẽn giao thông ; h) Năng suất lao động tăng.

Để hạn chế ảnh hưởng xấu của việc tăng dân số quá nhanh, mỗi quốc gia cần phải phát triển dân số hợp lí. Ở Việt Nam đã và đang thực hiện Pháp lệnh dân số nhằm mục đích đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Số con sinh ra phải phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hoà với sự phát triển kinh tế – xã hội, tài nguyên, môi trường của đất nước. Nhà nước Việt Nam vận động mỗi gia đình chỉ có 1 – 2 con.

Ngoài những đặc điểm chung của một quần thể sinh vật, quần thể người còn có những đặc trưng mà các quần thể sinh vật khác không có. Đó là những đặc trưng về kinh tế - xã hội như pháp luật, hôn nhân, giáo dục, văn hoá.... Sự khác nhau đó là do con người có lao động và có tư duy.

Những đặc trưng về tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, sự tăng, giảm dân số có ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng cuộc sống của con người và các chính sách kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Để có sự phát triển bền vững, mỗi quốc gia cần phải phát triển dân số hợp lí. Không để dân số tăng quá nhanh dẫn tới thiếu nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống, ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác.

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện Pháp lệnh dân số nhằm mục đích đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Số con sinh ra phải phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hoà với sự phát triển kinh tế - xã hội, tài nguyên, môi trường của đất nước.

Câu hỏi và bài tập

1. Vì sao quần thể người lại có một số đặc trưng mà quần thể sinh vật khác không có ?
2. Tháp dân số trẻ và tháp dân số già khác nhau như thế nào ?
3. Ý nghĩa của việc phát triển dân số hợp lí của mỗi quốc gia là gì ?

Em có biết ?

Trong lịch sử phát triển nhân loại, nhìn chung, số dân tăng lên không ngừng. Thời kì đầu, bùng nổ dân số xảy ra khoảng 1 vạn năm trước Công nguyên, khi con người biết sử dụng lửa và có khả năng chế tạo công cụ lao động, vũ khí. Trong khoảng 2000 năm, dân số tăng từ 3 triệu đến 8 triệu người.

Thời kì thứ hai, bùng nổ dân số xảy ra vào khoảng 6000 năm trước Công nguyên tới thế kỉ XVII sau Công nguyên. Đó là thời kì phát triển nông nghiệp. Công cụ lao động bằng đá được thay bằng đồ đồng, rồi đồ sắt. Dân số tăng lên tới 500 triệu người.

Thời kì thứ ba, dân số tăng mạnh mẽ từ đầu thế kỉ XVIII đến chiến tranh thế giới lần thứ hai. Đây là giai đoạn phát triển công nghiệp mạnh mẽ ở châu Âu, tạo nên bước chuyển biến to lớn về chất trong các hoạt động của con người. Kinh tế công nghiệp và nông nghiệp có nhiều đổi mới, tạo điều kiện quyết định cho sự gia tăng dân số trên thế giới. Dân số thế giới đã vượt qua con số 1 tỉ người vào năm 1830, 2 tỉ vào năm 1930 và khoảng 2,5 tỉ vào năm 1945.

Thời kì thứ tư là giai đoạn sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Thời kì này trải qua nhiều thay đổi lớn về kinh tế và công nghệ. Trong lịch sử phát triển dân số thế giới, chưa bao giờ nhịp độ gia tăng dân số lại nhanh như thời kì này. Tuổi thọ trung bình tăng, đồng thời với tỉ lệ sinh tăng đã tạo nên nhịp độ gia tăng dân số rất lớn. Dân số thế giới đạt 5 tỉ vào năm 1987 và hiện nay là khoảng 6 tỉ người.

Phát triển dân số quá nhanh là một nguyên nhân quan trọng đe dọa mất ổn định kinh tế – xã hội ở nhiều quốc gia.